

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Thu

Ông Nguyễn Đức Khâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30-01-2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 25-10-2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-12-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11-01-2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Triệu Đình T, sinh năm 1997. “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 2000. “Vắng mặt lần thứ hai không có lý do”.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25-10-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Triệu Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Đình T và chị Đặng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 17-9-2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Hồng không quan tâm đến gia đình, chồng con, không chăm lo cho cuộc sống chung. Nay anh Tiến xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án nhân dân huyện TY giải quyết cho anh được ly hôn chị Đặng Thị H.

Về con chung: Anh Triệu Đình T và chị Đặng Thị H có hai con chung là Triệu Thảo V, sinh ngày 11-4-2019 và Triệu Gia K, sinh ngày 30-6-2021, hiện tại do anh

Tiến đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, anh Tiến có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, không yêu cầu chị Hồng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Tuy nhiên bị đơn chị Đặng Thị H không có mặt tại Tòa án và không có bản tự khai. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời khai của chị Đặng Thị H và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Đình T được ly hôn chị Đặng Thị H.

- Về con chung: Giao cả hai cháu Triệu Thảo V, sinh ngày 11-4-2019 và Triệu Gia K, sinh ngày 30-6-2021 cho anh Triệu Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Đặng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Triệu Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Đặng Thị H có đăng ký hộ khẩu tại Thôn Đ, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của anh Triệu Đình T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn anh Triệu Đình T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đặng Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Triệu Đình T và chị Đặng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K,

huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 17-9-2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Hồng không quan tâm đến gia đình, chồng con, không chăm lo cho cuộc sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái đã thông báo nhiều lần nhưng bị đơn chị Hồng không đến Tòa, không có bản tự khai gửi cho Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh Tiến, chị Hồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho anh Triệu Đình T được ly hôn chị Đặng Thị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh Triệu Đình T và chị Đặng Thị H có hai con chung là Triệu Thảo V, sinh ngày 11-4-2019 và Triệu Gia K, sinh ngày 30-6-2021. Ly hôn, anh Tiến có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh Tiến, đồng thời chị Hồng không đến Tòa án và không có lời khai thể hiện nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung, cần giao cháu Triệu Thảo V và cháu Triệu Gia K cho anh Triệu Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Triệu Đình T không yêu cầu chị Hồng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Triệu Đình T không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác do chị Hồng chưa có lời khai nên chưa có cơ sở xem xét. Vì vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Anh Triệu Đình T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên toà là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Đình T được ly hôn chị Đặng Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thảo V, sinh ngày 11-4-2019 và cháu Triệu Gia K, sinh ngày 30-6-2021 cho anh Triệu Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, chị Đặng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Triệu Đình T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0002006 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TY, tỉnh Yên Bái ngày 25-10-2023.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Duy